TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2018
V/v "tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Hân Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Phước.

2. Ông Phạm Quốc Hùng.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2018/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2018 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Tây Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: anh **Võ Quang S**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Tây Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 28/5/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: sau thời gian tự tìm hiểu, tôi và anh Võ Quang S tiến đến hôn nhân vào năm 1998, có tổ chức lễ cưới nhưng do phải đi làm xa nên đến ngày 15/3/2004 mới đến Ủy ban nhân dân thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được hai con chung tên Võ Băng T, sinh ngày

19/9/2000 và Võ Quang Th, sinh ngày 01/01/2008. Tuy nhiên, đến năm 2006 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S không chung thủy với tôi, có quen người phụ nữ khác nên từ đó vợ chồng thường cãi vả nhau. Đến năm 2014 thì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên tôi với anh S mỗi người sống mỗi nơi cho đến nay. Mặc dù được gia đình hai bên hòa giải nhưng do không còn phù hợp nhau nên tôi với anh S không thể sống chung được nữa. Nay không còn tình cảm với anh S nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về quan hệ con chung: Hiện tại cháu T và cháu Th đang sống chung với tôi nên khi ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Võ Quang S: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh S, nhưng anh đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Võ Quang S đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Tây Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Võ Quang S đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập, anh S đều vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

[3] Về nội dung: chị Nguyễn Thị M với anh Võ Quang S chung sống với nhau từ năm 1998, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 30/KH, ngày 15/3/2004. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M với anh S phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị M, thấy rằng: chị M với anh S chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2006 xảy ra mâu thuẫn, chị M cho rằng anh S không chung thủy với chị, không quan tâm đến vợ con và không còn sống chung từ tháng 5 năm 2014 cho đến nay.

Về phía anh S, kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S, tạo điều kiện cho anh hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị M. Tuy nhiên, anh S không đến tham gia các phiên hòa giải và cũng không có văn bản nào thể hiện nguyện vọng muốn được hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị M. Xét thấy, chị M với anh S không còn sống chung trong suốt thời gian dài, tình trạng hôn nhân giữa chị M với anh S mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M.

[5] Về quan hệ con chung: chị M với anh S có 02 con chung tên Võ Băng T, sinh ngày 19/9/2000 và Võ Quang Th, sinh ngày 01/01/2008. Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T và cháu Th, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên; cháu T và cháu Th đang được chị M trực tiếp nuôi dưỡng; đồng thời tại biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2018 thì nguyện vọng của cháu T và cháu Th muốn được chung sống với chị M. Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của các cháu, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị M; giao cháu T và cháu Th cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[6] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: chị M xác định không có nợ chung.

[8] Do chị Nguyễn Thị M yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Võ Quang S.

- Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Võ Băng T, sinh ngày 19/9/2000 và Võ Quang Th, sinh ngày 01/01/2008.

+ Giao cháu Võ Băng T và Võ Quang Th cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (hiện các cháu T và Th đang sống chung với chị M).

+ Chị Nguyễn Thị M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về nợ chung: ghi nhận chị Nguyễn Thị M xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Nguyễn Thị M và anh Võ Quang S vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001096 ngày 23/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (để biết);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hân Em